TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ- ST.
Ngày: 20/9/2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Minh;

2. Ông Lò Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần – Thẩm tra V Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 20/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2019/TLST – HNGĐ ngày 13/6/2019 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX - ST ngày 03/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị V – Sinh năm 1992.(có mặt).

Địa chỉ: Bản TT, xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn T – Sinh năm 1990.(xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản TT, xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;

(Hiện nay đang tạm giam tại: Trại tạm giam Noong Bua Công an tỉnh Điện Biên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/6/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lò Thị V (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh T lấy nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T lấy một cô gái về ở cùng. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ 22/8/2018, tôi về nhà bố mẹ đẻ ở, tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị V khai vợ chồng có 02 con chung là: Quàng Thị H, sinh ngày 11/11/2007 và Quàng Thị X, sinh ngày 12/9/2016.

Tại phiên tòa chị V có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu H là nguyện vọng muốn được ở với bố và tại bản tự khai của anh T cũng đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh Quàng Văn T (bị đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô V lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Hiện nay, tôi đang bị tạm giam tại Công an tỉnh Điện Biên. Do tôi bị tạm giam và cô V xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Anh T công nhận có 02 con chung: Tôi đồng ý nuôi các cháu, nhưng tôi đang bị tạm giam nên tôi nhờ mẹ tôi chăm sóc các con của tôi.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị V xin ly hôn với anh T, anh T có hộ khẩu thường trú tại xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị V và anh T lấy nhau năm 2010, đến năm 2019 thì chị V khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh T ngoại tình và vi phạm pháp luật. Tình cảm vợ chồng giữa chị V với anh T đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018 đến nay. Chị V thấy hiện nay tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị V xin ly hôn là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của anh T cũng đồng ý ly hôn.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung, anh T đề nghị được nuôi cả 02 con chung, tại phiên tòa chị V cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt của con chưa thành niên.

Qua quá trình giải quyết thì anh T hiện nay đang bị tạm giam do vi phạm pháp luật nên không thể có điều kiện để trực tiếp nuôi con chung, nên HĐXX không thể giao con chung cho anh T nuôi dưỡng được. Còn chị V hiện nay đang ở nhà lao động bình thường và có khả năng nuôi con chung.

Để đảm bảo quyền lợi và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của trẻ em. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật HN&GĐ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị V, giao hai con chung là Quàng Thị H, sinh ngày 11/11/2007 và Quàng Thị X, sinh ngày 12/9/2016 cho chị Viên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Viên không yêu cầu anh T phải dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Viên tự nguyện nuôi con là không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị Viên và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Chị Viên và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Viên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1- Tuyên xử: Cho chị Lò Thị Viên được ly hôn với anh Quàng Văn T.

2 - Về con chung: Giao hai con chung là Quàng Thị H, sinh ngày 11/11/2007 và Quàng Thị X, sinh ngày 12/9/2016 cho chị Viên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trục tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Viên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

5- Kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã M P, H ĐB;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương